

KẾ HOẠCH

Chỉnh trang, sắp xếp cột ăng ten trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS) trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2018 - 2020

Triển khai Quyết định số 2522/QĐ-UBND ngày 04/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động thành phố Hải Phòng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch chỉnh trang, sắp xếp cột ăng ten trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS) trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2018-2020, nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Thực hiện chỉnh trang, sắp xếp cột ăngten công kênh loại A2a hiện trạng sang cột ăngten không công kênh loại A1 theo lộ trình quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động thành phố Hải Phòng đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng công trình, đảm bảo mỹ quan đô thị.

2. Yêu cầu

- Việc chỉnh trang, sắp xếp cột ăng ten trạm BTS không làm gián đoạn, ảnh hưởng đến chất lượng thông tin liên lạc của người dân trên địa bàn thành phố.
- Xác định rõ nội dung, thời gian và trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp trong thực hiện chỉnh trang, sắp xếp cột ăng ten trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS) trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
- Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện của các doanh nghiệp.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Danh mục khu vực, tuyến đường, phố và lộ trình thực hiện chỉnh trang, sắp xếp cột ăng ten trạm BTS

Thực hiện chỉnh trang, chuyển đổi cột ăngten BTS công kênh loại A2a hiện trạng sang cột ăngten không công kênh loại A1 tại 179 khu vực, tuyến đường, phố trên toàn địa bàn thành phố theo lộ trình như sau:

1.1. Đến hết năm 2018:

Thực hiện chỉnh trang, chuyển đổi cột ăng ten trạm BTS loại A2a sang loại A1 tại 46 khu vực, tuyến đường, phố thuộc địa bàn 06 quận.

STT	Quận, huyện	Số lượng khu vực, tuyến đường, phố	Ghi chú
1.	Hồng Bàng	11	<i>Chi tiết trong Bảng 1 danh mục khu vực, tuyến đường, phố thực hiện chỉnh trang, chuyển đổi cột ăng ten A2a hiện trạng sang cột A1</i>
2.	Lê Chân	8	
3.	Ngô Quyền	14	
4.	Hải An	5	
5.	Kiến An	2	
6.	Đồ Sơn	6	
	Tổng cộng	46	

1.2. Đến hết năm 2019

Thực hiện chỉnh trang, chuyển đổi cột ăng ten trạm BTS loại A2a sang loại A1 tại 62 khu vực, tuyến đường, phố thuộc địa bàn 11 quận, huyện:

STT	Quận, huyện	Số lượng khu vực, tuyến đường, phố	Ghi chú
1.	Hồng Bàng	11	<i>Chi tiết trong Bảng 2 danh mục khu vực, tuyến đường, phố thực hiện chỉnh trang, chuyển đổi cột ăng ten A2a hiện trạng sang cột A1</i>
2.	Lê Chân	10	
3.	Hải An	4	
4.	Kiến An	4	
5.	Dương Kinh	6	
6.	Đồ Sơn	13	
7.	An Lão	3	
8.	Vĩnh Bảo	2	
9.	Tiên Lãng	2	
10.	Thủy Nguyên	4	
11.	Cát Hải	3	
	Tổng cộng	62	

1.3. Đến hết năm 2020

Thực hiện chỉnh trang, chuyển đổi cột ăng ten trạm BTS loại A2a sang loại A1 tại 71 tuyến đường, phố thuộc địa bàn 12 quận, huyện.

STT	Quận, huyện	Số lượng khu vực, tuyến đường, phố	Ghi chú
1.	Hồng Bàng	17	<i>Chi tiết trong Bảng 3 danh mục khu vực, tuyến đường, phố thực hiện chỉnh trang, chuyển đổi cột ăng ten A2a hiện trạng sang cột A1</i>
2.	Lê Chân	8	
3.	Hải An	2	
4.	Kiến An	4	
5.	Đồ Sơn	14	
6.	An Dương	3	
7.	An Lão	3	
8.	Vĩnh Bảo	4	
9.	Tiên Lãng	3	
10.	Thủy Nguyên	5	
11.	Kiến Thụy	4	
12.	Cát Hải	4	
	Tổng cộng	71	

2. Nguồn kinh phí

- Doanh nghiệp viễn thông chủ động bố trí nguồn vốn để thực hiện chỉnh trang, chuyển đổi hệ thống cột ăng ten của đơn vị mình; phối hợp đầu tư xây dựng hạ tầng, chia sẻ hạ tầng theo tỷ lệ nguồn vốn đóng góp hoặc theo thỏa thuận giữa các doanh nghiệp.

- Sở Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân các quận, huyện bố trí kinh phí từ dự toán được giao hàng năm để thông tin, tuyên truyền cho người dân về Kế hoạch chỉnh trang, sắp xếp cột ăng ten trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS) trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2018 - 2020; tuyên truyền, giải thích cho người dân về lo ngại ảnh hưởng của sóng điện từ trạm BTS đến sức khỏe con người; giám sát việc thực hiện chỉnh trang, sắp xếp cột ăng ten của các doanh nghiệp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện Kế hoạch chỉnh trang, sắp xếp cột ăng ten trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS) trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2018 - 2020; tuyên truyền, giải thích vấn đề lo ngại của người dân về ảnh hưởng của sóng điện từ trạm BTS đến sức khỏe con người.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp có hạ tầng trạm BTS xây dựng và triển khai kế hoạch chỉnh trang, sắp xếp cột ăng ten trạm BTS.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện kiểm tra, giám sát việc chỉnh trang, sắp xếp cột ăng ten trạm BTS của doanh nghiệp; xử lý các doanh nghiệp không thực hiện chỉnh trang, sắp xếp lại cột ăng ten trạm BTS theo quy định của pháp luật.

- Đầu mỗi tổng hợp, báo cáo định kỳ 6 tháng và hàng năm Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện Kế hoạch và các vấn đề phát sinh có liên quan.

2. Sở Xây dựng

- Hướng dẫn doanh nghiệp và các cơ quan cấp phép xây dựng các điều kiện, trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng trạm BTS theo đúng quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xem xét cấp phép xây dựng, quản lý, kiểm tra, giám sát chất lượng xây dựng công trình cột ăng ten trạm BTS của các doanh nghiệp viễn thông theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo đúng quy định của pháp luật.

3. Sở Giao thông vận tải

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xem xét cấp phép xây dựng, quản lý, kiểm tra, giám sát chất lượng xây dựng công trình cột ăng ten trạm BTS của các doanh nghiệp viễn thông theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao đúng quy định của pháp luật.

4. Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xem xét cấp phép xây dựng, quản lý, kiểm tra, giám sát chất lượng công trình cột ăng ten trạm BTS của các doanh nghiệp viễn thông trong các khu công nghiệp, khu kinh tế theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao đúng quy định của pháp luật.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với các cơ quan cấp phép xây dựng cho ý kiến tham vấn về đất đai thuộc phạm vi quản lý khi nhận được đề nghị của các đơn vị.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xem xét, giải quyết các vấn đề thuộc phạm vi quản lý khi nhận được đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông.

7. Sở Công Thương

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xem xét, giải quyết các vấn đề liên quan đến điện lưới, dùng chung cột điện thuộc phạm vi quản lý để lắp đặt thiết bị trạm BTS.

8. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với các cơ quan cấp phép xây dựng cho ý kiến tham vấn đối với các công trình dự kiến xây dựng trong phạm vi bảo vệ đề điều, công trình thủy lợi khi nhận được đề nghị của các đơn vị.

9. Sở Văn hóa và Thể thao

Phối hợp với các cơ quan cấp phép xây dựng cho ý kiến tham vấn về nội dung liên quan đến quảng cáo đối với các công trình xin phép xây dựng khi nhận được đề nghị của các đơn vị.

10. Các sở, ban, ngành khác

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan triển khai có hiệu quả các nội dung của Kế hoạch khi nhận được đề nghị.

11. Ủy ban nhân dân các quận, huyện

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến về Kế hoạch chỉnh trang, sắp xếp cột ăng ten trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS) trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2018 - 2020; tuyên truyền, giải thích vấn đề lo ngại của người dân về ảnh hưởng của sóng điện từ trạm BTS đến sức khỏe con người cho người dân trên trang/cổng thông tin điện tử của đơn vị và hệ thống phát thanh, truyền thanh cơ sở tại địa bàn quản lý.

- Niêm yết công khai các điều kiện, thủ tục hành chính, quy trình, thời gian cấp giấy phép xây dựng tại nơi tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp phép xây dựng.

- Xem xét cấp phép xây dựng, quản lý, kiểm tra chất lượng xây dựng công trình cột ăng ten trạm BTS của các doanh nghiệp tại địa bàn quản lý theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao đúng quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông giám sát, kiểm tra việc chỉnh trang, sắp xếp cột ăng ten trạm BTS của doanh nghiệp; xử lý các doanh nghiệp không thực hiện chỉnh trang, sắp xếp lại cột ăng ten trạm BTS theo quy định của pháp luật.

12. Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng, Báo Hải Phòng, Báo An ninh Hải Phòng, Cổng Thông tin điện tử thành phố

Tổ chức thông tin, tuyên truyền về việc triển khai Kế hoạch chỉnh trang, sắp xếp cột ăng ten trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS) trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2018 - 2020.

13. Các doanh nghiệp có hạ tầng trạm BTS

- Căn cứ Kế hoạch chỉnh trang, sắp xếp cột ăng ten trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS) trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2018-2020 của Ủy ban nhân dân thành phố, lập và tổ chức triển khai kế hoạch chỉnh trang, sắp xếp cột ăng ten trạm BTS của đơn vị mình tại địa bàn thành phố.

- Có trách nhiệm gửi Kế hoạch chỉnh trang, sắp xếp cột ăng ten trạm BTS của doanh nghiệp mình tại địa bàn thành phố về Sở Thông tin và Truyền thông.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan tuyên truyền, phổ biến nội dung Kế hoạch chỉnh trang, sắp xếp cột ăng ten trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS) trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2018-2020; tuyên truyền, giải thích vấn đề lo ngại của người dân về ảnh hưởng của sóng điện từ trạm BTS đến sức khỏe con người cho người dân tại khu vực doanh nghiệp xây dựng, lắp đặt trạm BTS.

- Chủ động bố trí nguồn vốn thực hiện chỉnh trang, sắp xếp cột ăng ten trạm BTS của đơn vị; phối hợp với các doanh nghiệp khác đầu tư xây dựng hạ tầng, chia sẻ hạ tầng theo tỷ lệ nguồn vốn đóng góp hoặc theo thỏa thuận giữa các doanh nghiệp.

- Chủ động nghiên cứu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, cho phép triển khai thí điểm cột ăng ten mỹ thuật dạng cột đèn, cây xanh tại một số khu vực trên địa bàn thành phố phù hợp với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng công trình, thân thiện môi trường, đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Báo cáo tình hình thực hiện khi có yêu cầu của Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

- Chủ động phản ánh, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện để giải quyết các vấn đề cản trở, gây khó khăn của người dân theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình triển khai, nếu phát sinh các khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp để giải quyết, hỗ trợ tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp vượt thẩm quyền, đề nghị phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các sở, ngành, địa phương, doanh nghiệp và các đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

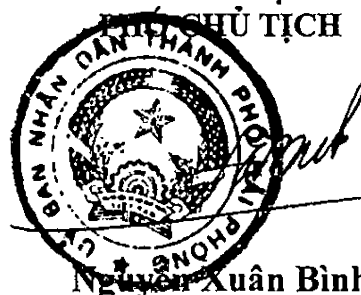
Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND TP;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- UBND quận, huyện;
- Đài PT&TH HP, Báo HP, Báo AN HP;
- Công TTĐT thành phố;
- Các doanh nghiệp viễn thông;
- CVP, PCVP Tr.H.Kiên;
- Phòng KTGSTĐKT;
- CV: GD;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



**BẢNG 1. DANH MỤC TUYẾN ĐƯỜNG, PHỐ THỰC HIỆN
CHỈNH TRANG, CHUYỂN ĐỔI CỘT ẮNG TÊN LOẠI A2a SANG A1
(LỘ TRÌNH THỰC HIỆN NĂM 2018)**
(Kèm theo Kế hoạch số 153 /KH-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2018
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

STT	Khu vực, tuyến đường, phố
1	Quận Hồng Bàng (11 tuyến đường, phố)
1.1	Nguyễn Tri Phương (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
1.2	Hoàng Diệu (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
1.3	Trần Hưng Đạo (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
1.4	Đinh Tiên Hoàng (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
1.5	Hoàng Văn Thụ (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
1.6	Quang Trung (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
1.7	Bạch Đằng (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
1.8	Điện Biên Phủ (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
1.9	Hà Nội (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
1.10	Nguyễn Thượng Hiền (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
1.11	Thất Khê (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
2	Quận Lê Chân (08 tuyến đường, phố)
2.1	Tô Hiệu (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
2.2	Nguyễn Đức Cảnh (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
2.3	Trần Nguyên Hãn (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
2.4	Tôn Đức Thắng (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
2.5	Hàng Kênh
2.6	Nguyễn Công Trứ (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
2.7	Đình Đông (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
2.8	Lán Bè (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
3	Quận Ngô Quyền (14 tuyến đường, phố)
3.1	Lê Lợi (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
3.2	Lê Lai (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
3.3	Trần Phú (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
3.4	Cầu Đất (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)

3.5	Lạch Tray (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
3.6	Đà Nẵng (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
3.7	Lê Thánh Tông (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
3.8	Lương Khánh Thiện (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
3.9	Võ Thị Sáu (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
3.10	Nguyễn Khuyến (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
3.11	Trần Bình Trọng (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
3.12	Phạm Minh Đức (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
3.13	Ngô Quyền (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
3.14	Đường vòng Nhà Văn hóa thanh niên (Nhà hát nhân dân cũ) (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
4	Quận Hải An (05 tuyến đường, phố)
4.1	Cát Bi (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
4.2	Ngô Gia Tự (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
4.3	Lê Hồng Phong (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
4.4	Nguyễn Văn Hối (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
4.5	Văn Cao (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
5	Quận Kiến An (02 tuyến đường, phố)
5.1	Nguyễn Lương Bằng (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
5.2	Hoàng Quốc Việt (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6	Quận Đồ Sơn (06 tuyến đường, phố)
6.1	Vạn Sơn (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.2	Yết Kiêu (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.3	Vạn Hương (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.4	Vạn Lê (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.5	Vạn Bún (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.6	Lý Thánh Tông

**BẢNG 2. DANH MỤC KHU VỰC, TUYẾN ĐƯỜNG, PHỐ THỰC HIỆN
CHỈNH TRANG, CHUYỂN ĐỔI CỘT ẮNG TÊN LOẠI A2a SANG A1
(LỘ TRÌNH THỰC HIỆN NĂM 2019)**

*(Kèm theo Kế hoạch số 153 /KH-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2018
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

STT	Khu vực, tuyến đường, phố
1	Hồng Bàng (11 tuyến đường, phố)
1.1	Hồ Xuân Hương (cách tim đường $\leq 80m$)
1.2	Phạm Bá Trục (cách tim đường $\leq 80m$)
1.3	Trần Quang Khải (cách tim đường $\leq 80m$)
1.4	Kỳ Đồng (cách tim đường $\leq 80m$)
1.5	Phan Chu Trinh (cách tim đường $\leq 80m$)
1.6	Lý Tự Trọng (cách tim đường $\leq 80m$)
1.7	Minh Khai (cách tim đường $\leq 80m$)
1.8	Lê Đại Hành (cách tim đường $\leq 80m$)
1.9	Phố Bến Bính (cách tim đường $\leq 80m$)
1.10	Cù Chính Lan (cách tim đường $\leq 80m$)
1.11	Phan Bội Châu (cách tim đường $\leq 80m$)
2	Lê Chân (10 tuyến đường, phố)
2.1	Cát Cụt (cách tim đường $\leq 80m$)
2.2	Hai Bà Trưng (Cát Dài) (cách tim đường $\leq 80m$)
2.3	Chợ Con (cách tim đường $\leq 80m$)
2.4	Mê Linh (cách tim đường $\leq 80m$)
2.5	Lam Sơn (cách tim đường $\leq 80m$)
2.6	Hồ Sen (cách tim đường $\leq 80m$)
2.7	Dư Hàng (cách tim đường $\leq 80m$)
2.8	Nhà Thương (cách tim đường $\leq 80m$)
2.9	Khu đô thị ven sông Lạch Tray
2.10	Đường Hồ Sen - Cầu Rào II
3	Kiến An (04 tuyến đường, phố)
3.1	Lê Duẩn (cách tim đường $\leq 80m$)
3.2	Trần Thành Ngọ (cách tim đường $\leq 80m$)

3.3	Mạc Kinh Điển (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
3.4	Bùi Mộng Hoa (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
4	Hải An (04 tuyến đường, phố)
4.1	Trần Văn Lan (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
4.2	Thị Sơn (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
4.3	Đồng Xá (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
4.4	Nguyễn Thị Thuận (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
5	Dương Kinh (06 tuyến đường, phố)
5.1	Đa Phúc (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
5.2	Cầu Đền (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
5.3	Vọng Hải (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
5.4	Đường tỉnh 355 (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
5.5	Phạm Văn Đồng (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
5.6	Khu đô thị mới tại quận Dương Kinh
6	Đồ Sơn (13 tuyến đường, phố)
6.1	Đình Đoài (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.2	Sơn Hải (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.3	Thanh Niên (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.4	Phạm Ngọc (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.5	Đông Hải (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.6	Bà Đế (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.7	Đoàn Kết 1 (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.8	Đoàn Kết 2 (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.9	Đoàn Kết 3 (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.10	Đoàn Kết 4 (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.11	Khu đô thị đường Phạm Văn Đồng
6.12	Khu đô thị mới dọc hai bờ sông Họng và khu vực dải đất ven biển chạy dọc giữa đường trục trung tâm và đê biển, dải đô thị Đồ Sơn - Cầu Rào
6.13	Đảo Hòn Dấu
7	An Lão (03 tuyến đường, phố)

7.1	Quốc lộ 10 (đoạn qua thị trấn An Lão, cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
7.2	Nguyễn Văn Trỗi (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
7.3	Nguyễn Chuyên Mỹ (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
8	Vĩnh Bảo (02 tuyến đường, phố)
8.1	Khu vực trung tâm hành chính huyện
8.2	Khu vực trung tâm xã Tam Cường
9	Tiên Lãng (02 tuyến đường, phố)
9.1	Khu vực trung tâm hành chính huyện
9.2	Khu vực trung tâm xã Hùng Thắng
10	Thủy Nguyên (04 tuyến đường, phố)
10.1	Khu vực trung tâm xã Quảng Thanh
10.2	Khu vực trung tâm xã Lưu Kiếm
10.3	Khu đô thị mới Bắc Sông Cấm
10.4	Khu đô thị xanh Quang Minh
11	Cát Hải (03 tuyến đường, phố)
11.1	Khu vực trung tâm thị trấn Cát Hải
11.2	Khu vực trung tâm thị trấn Cát Bà
11.3	Khu du lịch Cát Bà

**BẢNG 3. DANH MỤC KHU VỰC, TUYẾN ĐƯỜNG, PHÓ THỰC HIỆN
CHỈNH TRANG, CHUYỂN ĐỔI CỘT ẮNG TEN LOẠI A2a SANG A1
(LỘ TRÌNH THỰC HIỆN NĂM 2020)**

*(Kèm theo Kế hoạch số 153 /KH-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2018
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)*

STT	Khu vực, tuyến đường, phố
1	Hồng Bàng (17 tuyến đường, phố)
1.1	Lý Thường Kiệt (cách tim đường ≤ 80m)
1.2	Tam Bạc (cách tim đường ≤ 80m)
1.3	Lãn Ông (cách tim đường ≤ 80m)
1.4	Trạng Trình (cách tim đường ≤ 80m)
1.5	Hoàng Ngân (cách tim đường ≤ 80m)
1.6	Tôn Thất Thuyết (cách tim đường ≤ 80m)
1.7	Ký Con (cách tim đường ≤ 80m)
1.8	Phạm Hồng Thái (cách tim đường ≤ 80m)
1.9	Nguyễn Thái Học (cách tim đường ≤ 80m)
1.10	Phạm Phú Thứ (cách tim đường ≤ 80m)
1.11	Tăng Bạt Hổ (cách tim đường ≤ 80m)
1.12	Tôn Đản (cách tim đường ≤ 80m)
1.13	Hạ Lý (cách tim đường ≤ 80m)
1.14	Vạn Kiếp (cách tim đường ≤ 80m)
1.15	Cao Thắng (cách tim đường ≤ 80m)
1.16	Hùng Vương (cách tim đường ≤ 80m)
1.17	Chi Lăng (cách tim đường ≤ 80m)
2	Lê Chân (08 tuyến đường, phố)
2.1	Chùa Hàng (cách tim đường ≤ 80m)
2.2	Thiên Lôi (cách tim đường ≤ 80m)
2.3	Nguyên Hồng (cách tim đường ≤ 80m)
2.4	Lê Chân (cách tim đường ≤ 80m)
2.5	Miếu Hai Xã (cách tim đường ≤ 80m)
2.6	Dư Hàng Kênh (cách tim đường ≤ 80m)
2.7	Đồng Thiện (cách tim đường ≤ 80m)

2.8	Phạm Hữu Điều (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
3	Kiến An (04 tuyến đường, phố)
3.1	Mạc Đình Chi (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
3.2	Tây Sơn (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
3.3	Trần Hưng Đạo (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
3.4	Trần Huy Liệu (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
4	Hải An (02 tuyến đường, phố)
4.1	Tràng Cát (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
4.2	Phương Lưu (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
5	An Dương (03 tuyến đường, phố)
5.1	Đường tỉnh 351 (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
5.2	Đường tỉnh 208 (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
5.3	Khu vực trung tâm hành chính huyện
6	Đồ Sơn (14 tuyến đường, phố)
6.1	Trung Dũng 1 (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.2	Trung Dũng 2 (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.3	Trung Dũng 3 (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.4	Trung Dũng 4 (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.5	Trung Dũng 5 (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.6	Trung Dũng 6 (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.7	Trung Dũng 7 (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.8	Trung Dũng 8 (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.9	Trung Dũng 9 (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.10	Trung Dũng 10 (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.11	Phía Đông Đầm Ngọc (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.12	Phía Tây Đầm Ngọc (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.13	Hữu Tử (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
6.14	Thung Lũng (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
7	An Lão (03 tuyến đường, phố)
7.1	Khu vực trung tâm hành chính huyện

7.2	Hoàng Quốc Việt - Quốc lộ 10 (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
7.3	Đường tỉnh 375 (đoạn qua thị trấn Trường Sơn, khu vực cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
8	Vĩnh Bảo (04 tuyến đường, phố)
8.1	Bắc Hải (quốc lộ 37, khu vực cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
8.2	Đông Thái (quốc lộ 37, khu vực cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
8.3	Tân Hoa (quốc lộ 10, khu vực cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
8.4	Một tháng năm (quốc lộ 10, khu vực cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
9	Tiên Lãng (03 tuyến đường, phố)
9.1	Đường tỉnh 354 (đoạn qua thị trấn Tiên Lãng, khu vực cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
9.2	Đường huyện 25 (đoạn qua thị trấn Tiên Lãng, khu vực cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
9.3	Đường huyện 212 (đoạn qua thị trấn Tiên Lãng, khu vực cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
10	Thủy Nguyên (05 tuyến đường, phố)
10.1	Hai năm tháng mười (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
10.2	Bạch Đằng (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
10.3	Đà Nẵng (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
10.4	Khu vực trung tâm hành chính huyện
10.5	Khu vực trung tâm thị trấn Minh Đức
11	Cát Hải (04 tuyến đường, phố)
11.1	Cái Bèo (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
11.2	Hà Sen (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
11.3	Hùng Sơn (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
11.4	Cát Tiên (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
12	Kiến Thụy (04 tuyến đường, phố)
12.1	Thọ Xuân (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
12.2	Đường tỉnh 354 (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
12.3	Đường tỉnh 402 (cách tim đường $\leq 80\text{m}$)
12.4	Khu vực trung tâm hành chính huyện